TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 22/2021/QĐST – HNGĐ	*Phú Thọ, ngày 23 tháng 8 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Hà Giang.

Thư ký phiên họp: Bà Lê Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên họp*:* Bà Lê Thị Thanh Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 65/2021/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2021; Về việc " Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình số: 61/2021/QĐST – HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Trần Huy C, sinh năm 1986;

ĐKNKTT: Tổ 27A, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

- Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1991;

ĐKNKTT: Tổ 27A, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Địa chỉ hiện nay: XYZ 3292 ABC 402, Nhật Bản.

(Các đương sự đều có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và bản tự khai anh Trần Huy C và chị Nguyễn Thị V trình bày: Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 08/01/2016 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung

sống hạnh phúc cho đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không tìm được tiếng nói chung. Sau khi sinh con thứ hai, đầu năm 2018, chị V đi làm việc tại Nhật Bản thời điểm đó vợ chồng ít liên lạc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến đầu năm 2020 thì vợ chồng không liên lạc gì với nhau nữa. Đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh C, chị V thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh, chị được thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh C, chị V xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Ánh D, sinh ngày 08/10/2014 và cháu Trần Yến N, sinh ngày 24/10/2017. Khi ly hôn, anh C, chị V thống nhất thỏa thuận anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Ánh D, chị V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Yến N. Trong thời gian chị V ở nước ngoài anh C sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N cho đến khi chị V về nước đón cháu N. Việc cấp dưỡng nuôi con do anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh C, chị V xác nhận vợ chồng có tài sản chung là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) tiền mặt. Số tiền này hiện anh C đang quản lý. Khi ly hôn anh, chị thống nhất thỏa thuận sẽ chia đôi số tiền trên, anh C được chia 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), chị V được chia 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

Về nợ chung: Anh C, chị V xác định không nợ ai, không cho ai vay nợ, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh C, chị V đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin giải quyết vắng mặt.

Về lệ phí ly hôn: Anh Trần Huy C tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn và không yêu cầu chị Nguyễn Thị V phải chịu.

Tại phiên họp, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm đề nghị:

Áp dụng Điều 55, 59, 81, 82, 83, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 149, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Huy C và chị Nguyễn Thị V.

Về con chung: Công nhận thỏa thuận của anh Trần Huy C và chị Nguyễn Thị V: Giao cháu Trần Ánh D - Sinh ngày 08/10/2014 cho anh Trần Huy C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Trần Yến N - Sinh ngày 24/10/2017cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm giao cháu N cho anh C sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng khi chị V ở nước ngoài.

Về tài sản chung: Công nhận thỏa thuận của anh Trần Huy C và chị Nguyễn Thị V: Anh chị có tài sản chung là số tiền 400.000.000VNĐ. Anh C được quyền quản lý, sử dụng 200.000.000VNĐ; chị V được quyền quản lý, sử dụng 200.000.000VNĐ. Anh C phải thanh toán cho chị V 200.000.000VNĐ.

Về công nợ: Tòa án không giải quyết trong vụ việc này.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Trần Huy C chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện Kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Huy C và chị Nguyễn Thị V kết hôn ngày 08/01/2016, trước khi kết hôn tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Đây là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng sống xa nhau, bất đồng quan điểm sống nên không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên anh Trần Huy C và chị Nguyễn Thị V đều thuận tình ly hôn.

Chị Nguyễn Thị V đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản đã gửi đơn yêu cầu công nhận thận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản gửi cho anh Trần Huy C để anh C nộp tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Anh Trần Huy C đã ký vào đơn yêu cầu công nhận thận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và cũng tự khai tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thể hiện quan điểm thuận tình ly hôn với chị Nguyễn Thị V. Từ đó đủ căn cứ kết luận: Anh Trần Huy C và chị Nguyễn Thị V thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với điều 55 luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2]. Về con chung: Anh C, chị V xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Ánh D, sinh ngày 08/10/2014 và cháu Trần Yến N, sinh ngày 24/10/2017. Khi ly hôn, anh C, chị V thống nhất thỏa thuận anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Ánh D, chị V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Yến N. Trong thời gian chị V ở nước ngoài anh C sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N cho đến khi chị V về nước đón cháu. Việc cấp dưỡng nuôi con do anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy việc thỏa thuận về nuôi con chung của anh C, chị V phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận.

[3]. Về tài sản chung: Anh C, chị V xác nhận vợ chồng có tài sản chung là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) tiền mặt. Số tiền này hiện anh C đang quản lý. Khi ly hôn anh, chị thống nhất thỏa thuận anh C được chia 200.000.000đ (hai trăm

triệu đồng), chị V được chia 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Anh C phải thanh toán cho chị V 200.000.000VNĐ.

Sự thỏa thuận về chia tài sản chung khi ly hôn của anh C, chị V phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận.

[4]. Về công nợ: Anh Trần Huy C và chị Nguyễn Thị V không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về lệ phí ly hôn: Anh Trần Huy C tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 điều 35, điểm b khoản 1 điều 37; điểm h khoản 2 điều 39; khoản 2 Điều 149, Điều 361, 362, 365, 366, 367, 369, 370 và Điều 371 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 55, 59, 81, 82, 83 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 37 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Huy C và chị Nguyễn Thị V.

[2]. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh C và chị V về nuôi con chung: Anh C được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Ánh D, sinh ngày 08/10/2014, chị V được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Yến N, sinh ngày 24/10/2014. Trong thời gian chị V ở nước ngoài anh C sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N cho đến khi chị V về nước đón cháu N. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh C, chị V tự thỏa thuận, nên không đặt ra giải quyết.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung: Xác nhận vợ chồng anh C, chị V có 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) tiền mặt do anh Trần Huy C đang quản lý. Khi ly hôn anh C và chị V thỏa thuận anh C được sở hữu 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), chị V được sở hữu 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Anh C phải thanh toán cho chị V 200.000.000VNĐ (hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4]. Về công nợ chung: Do anh C, chị V không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5]. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Trần Huy C tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận anh C đã nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004472 ngày 05/8/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[6]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND Phường T, TP V, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Hà Giang